

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HS - ST  
Ngày 08/9/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Đình Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông La Đức Cường và bà Trần Thị Miên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Đậu Xuân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

**NÔNG VĂN K** - Tên gọi khác: Không, sinh ngày 05 tháng 02 năm 1984. Tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKTT, chỗ ở: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S và con bà Chu Thị M; vợ: Trần Thị L, con: Có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn K:** Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1990 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

**\* Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lục Văn C- Phó Trưởng phòng, Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (Theo văn bản ủy quyền số 375/UBND- NN&PTNT ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn). Có mặt tại phiên tòa.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:**

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966. Trú tại thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Ma Văn B, sinh năm 1989. Trú tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc

Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1983, đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên (Chỗ ở Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn). Vắng mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/7/2021 và ngày 01/8/2021, Trạm kiểm lâm B thuộc Hạt Kiểm lâm huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn kiểm tra, phát hiện một phần diện tích rừng (*Qua đo đạc sơ bộ bàn đầu xác định được tổng diện tích rừng bị phát phá là 20.245 m<sup>2</sup> (hai mươi nghìn hai trăm bốn mươi năm mét vuông)*) với 02 điểm phát phá khác nhau tại các lô 6, 11, 13, 14, 15 khoảnh 9, tiểu khu 330 thuộc thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn bị người dân phát phá trái phép cây cối tự nhiên lấy mặt bằng để canh tác, trồng trọt. Quá trình điều tra, xác minh ban đầu xác định diện tích rừng bị phát phá ở trên là do Nông Văn K, sinh năm 1984 trú tại Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn một mình trực tiếp phát phá trái phép vào khoảng tháng 10 đến tháng 12 năm 2020 với mục đích để lấy đất canh tác (*Trồng rừng*).

Ngày 17/12/2021, Hạt kiểm lâm huyện Chợ Đồn đã tiến hành bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn để tiến hành điều tra, xác minh theo quy định.

Ngày 12/01/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương xã B và những người có liên quan tiến hành khám nghiệm hiện trường. Kết quả sử dụng máy định vị toàn cầu (GPS - MAP 78) để đo đạc, thống kê xác định tổng diện tích rừng bị Nông Văn K phát phá trái phép ở 02 điểm tại các lô 6, 11, 13, 14, 15 (*Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bình Trung thì các lô rừng đều thuộc thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02*) khoảnh 9, tiểu khu 330 thuộc Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn là 17.288m<sup>2</sup> (*Mười bảy nghìn hai trăm tám mươi tám mét vuông*), cụ thể: Điểm phát phá thứ nhất tại lô 6, 14 là 3958m<sup>2</sup> (*Ba nghìn chín trăm năm mươi tám mét vuông*), trong đó: lô 6 là 2422m<sup>2</sup> (*Hai nghìn bốn trăm hai mươi hai mét vuông*); lô 14 là 1536m<sup>2</sup> (*Một nghìn năm trăm ba mươi sáu mét vuông*); Điểm phát phá thứ hai tại lô 11, 13, 14, 15 là 13.330m<sup>2</sup> (*Mười ba nghìn ba trăm ba mươi mét vuông*), trong đó: lô 11 là 1411m<sup>2</sup> (*Một nghìn bốn trăm mười một mét vuông*); lô 13 là 6075m<sup>2</sup> (*Sáu nghìn không trăm bảy mươi năm mét vuông*); lô 14 là 3070m<sup>2</sup> (*Ba nghìn không trăm bảy mươi mét vuông*); lô 15 là 2774m<sup>2</sup> (*Hai nghìn bảy trăm bảy mươi bốn mét vuông*). Trên toàn bộ diện tích rừng bị phát phá trái phép đã được đốt dọn và trồng cây mỡ. Tổng số lâm sản bị thiệt hại qua kiểm đếm tại hiện trường chỉ còn 11 gốc cây gỗ tự nhiên và qua điều tra ô tiêu chuẩn xác định tổng số cây vầu bị chặt phá trên toàn bộ diện tích rừng bị phát phá là 2721 cây (*Trong đó điểm phát phá thứ nhất có 989 cây, điểm phát phá thứ hai có 1732 cây*). Tiến hành kiểm tra, đối chiếu với bản đồ quy hoạch 03 loại rừng ban hành kèm theo Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Kạn về

việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn và bản đồ hiện trạng rừng năm 2019 trên địa bàn huyện Chợ Đồn ban hành theo Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 09/3/2020 của UBND huyện Chợ Đồn thì toàn bộ diện tích rừng do Nông Văn K phát phá là rừng sản xuất, trạng thái là rừng tự nhiên (*Lô 6, 15 là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi; Lô 13 là rừng hỗn giao tre nứa gỗ tự nhiên núi đất; Lô 11, 14 là rừng hỗn giao gỗ tre nứa tự nhiên núi đất*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐGTS ngày 12/02/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chợ Đồn kết luận: “989 cây vầu tại vị trí phát phá thứ nhất có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2020 là 2.113.800đ (Hai triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm đồng); 1732 cây vầu tại vị trí phát phá thứ hai có giá trị tại thời điểm tháng 10 năm 2020 là 3.660.600đ (Ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng). Tổng giá trị tài sản sau khi định giá là 5.774.400đ (Năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng)”.

Quá trình điều tra, truy tố Nông Văn K khai nhận: Ngày 14/10/2016, Nông Văn K có nhận chuyển nhượng một phần diện tích rừng (06ha) tại thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02 thuộc thôn B (*Nay thuộc thôn Vằng Quân*), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (*Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 427052 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 06/01/2009 cho vợ chồng bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 và ông Ma Văn Đ, sinh năm 1965 cùng trú tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn*) với ông Ma Văn Đ với số tiền 48.000.000đ (*Bốn mươi tám triệu đồng*) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước. Tiếp đó đến ngày 28/10/2016, K tiếp tục có nhận chuyển nhượng 01 phần diện tích rừng (04ha) tại thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02 thuộc thôn B (*Nay thuộc thôn V*), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với anh Ma Văn B, sinh năm 1989 trú tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (*Con trai ông Ma Văn Đ và bà Nguyễn Thị C và diện tích rừng bán cho K là do anh B được bố mẹ để mình chia cho quản lý, sử dụng bằng lời nói*) với số tiền 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước. Đến khoảng tháng 10 năm 2020, do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng), nên K một mình trực tiếp sử dụng dao phát phá trái phép (*Chặt các cây gỗ thân nhỏ tự nhiên, cây vầu, giang, cây dây leo...*) một phần diện tích rừng K mua với ông Đ và anh B. Đến khoảng tháng 12 năm 2020, sau khi phát phá xong thì K tiến hành đốt dọn và trồng cây gỗ mỡ, cây keo trên toàn bộ diện tích rừng K phát phá được.

Tiến hành xác minh với UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn xác nhận: ông Ma Văn Đ (*Bố đẻ của Ma Văn B*) đã chết vào ngày 27/11/2021 theo giấy chứng tử số 23 ngày 07/12/2021 và bản sao trích lục khai tử số 88/TLKT-BS ngày 22/6/2022 của UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Tiến hành điều tra, xác minh: Bà Nguyễn Thị C (*Vợ ông Ma Văn Đ*) trình bày: Diện tích rừng mà Nông Văn K phát phá để trồng rừng là của bà và chồng là ông Ma Văn Đ được UBND huyện C, tỉnh Bắc Kạn giao cho và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó ông bà có chia cho 02 con trai là Ma Văn B và Ma Văn B mỗi người một phần diện tích rừng được giao để quản lý, sử dụng (*Chia cho bằng lời nói*) và chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước. Sau đó đến khoảng tháng 10 năm 2016 bà được biết và nhất trí việc ông Đ và B mỗi người

có được bán cho Nông Văn K một phần diện tích rừng ông bà được nhà nước giao cho và phần rừng chia cho B. Quá trình sau đó K phát phá diện tích rừng mua với ông Đ và B để trồng rừng thì bản thân bà không được biết do không có mặt ở địa phương. Chỉ đến khi cơ quan chức năng làm việc thì bà mới được biết sự việc K phát phá diện tích rừng mua với ông Đ và B.

Anh Ma Văn B (*Con trai ông Ma Văn Đ và bà Nguyễn Thị C*) trình bày: Khoảng tháng 10 năm 2016, bản thân anh được bán cho Nông Văn K một phần (04ha) diện tích rừng anh được bố mẹ chia cho quản lý, sử dụng (*Chia cho bằng lời nói*) tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 02 thuộc thôn B (*Nay thuộc thôn V*), xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn với số tiền 32.000.000đ (*Ba mươi hai triệu đồng*) và chỉ làm giấy viết tay, chưa làm thủ tục gì với cơ quan nhà nước. Quá trình sau đó K phát phá diện tích rừng mua với anh để trồng rừng thì bản thân anh không được biết hay được K thông tin gì. Chỉ đến khi cơ quan chức năng đến làm việc thì anh mới được biết sự việc K phát phá phần diện tích rừng anh bán cho K.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT- VKSCĐ ngày 29/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Nông Văn K về tội: "Hủy hoại rừng" theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

*Điều 243 có nội dung:*

*"1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

*...*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:*

*...*

*đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông ( $m^2$ ) đến dưới 50.000 mét vuông ( $m^2$ );*

*...*

*4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*

**Tại phiên tòa** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo K phạm tội "Hủy hoại rừng".

Đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 38; Điều 65; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo K từ 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo K.

Về phân trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ Luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn K phải bồi thường thiệt hại số tiền 5.774.400đ (*Năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*) cho UBND huyện Chợ Đồn,

tỉnh Bắc Kạn. Tạm giữ số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001274 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn để thi hành án cho bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu nâu đen, dài 47cm, chỗ rộng nhất 5,2cm, cán dao gỗ dài 17,2cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn K.

Về án phí: Căn cứ vào đơn xin miễn tiền án phí của bị cáo - đề nghị miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại bản luận cứ bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo cho rằng việc truy tố, xét xử đối với bị cáo về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ đó là; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo khắc phục hậu quả do hành vi trái pháp luật của bị cáo gây ra. Do đó, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, lý do bị cáo kinh tế còn khó khăn và miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Đồn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Do có nhu cầu lấy đất canh tác (Trồng rừng) nên vào khoảng tháng 10 năm 2020 đến tháng 12 năm 2020 bị cáo Nông Văn K đã có hành vi dùng dao phát phá trái phép 17.288m<sup>2</sup> (*Mười bảy nghìn hai trăm tám mươi tám mét vuông*) diện tích rừng tự nhiên, trạng thái là rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh phục hồi, rừng hỗn giao tre nửa gỗ tự nhiên núi đất. Gây thiệt hại 2721 cây vầu có giá trị 5.774.400đ (*Năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*) tại các lô 6, 11, 13, 14, 15 (*Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Bình Trung thì các lô rừng đều thuộc thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02*) khoảnh 9, tiểu khu 330 thuộc thôn V, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả đo đạc diện tích do bị cáo bị hủy hoại, vật chứng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án. Bị cáo thực hiện hành vi khi có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết mình chưa được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép cải tạo rừng tự nhiên sản xuất để trồng cây mới nhưng bị cáo vẫn cố ý tự

mình phát rừng tự nhiên để trồng cây mới. Hội đồng xét xử xét có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo K về tội “ *Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, xâm phạm đến sự bền vững và ổn định môi trường, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái tại địa phương, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nông Văn K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau khi phát phá bị cáo K đã tự nguyện trồng lại cây mới, cây keo trên toàn bộ diện tích rừng mà bị cáo đã phát phá trái phép với mục đích khắc phục hậu quả. Ngày 18/4/2022, K đã tự nguyện nộp vào Chi cục THADS huyện Chợ Đồn số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001274 để bồi thường thiệt hại. Ngoài ra bị cáo có ông nội là ông Nông Văn K và ông ngoại là ông Chu Văn T là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống pháp hạng nhì và Huân chương kháng chiến chống mỹ hạng nhì - đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s, khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo K không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi thường trú rõ ràng, thấy không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự vẫn có thể cải tạo giáo dục bị cáo.

Đối với bà Nguyễn Thị C (*Vợ ông Ma Văn Đ và là mẹ đẻ của Ma Văn B*) là người được giao quản lý, sử dụng diện tích rừng tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 427052 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 06/01/2009. Quá trình điều tra xác định bà C không biết việc Nông Văn K phát phá diện tích rừng trên và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét, xử lý.

Đối với Ma Văn B (*Con trai ông Ma Văn Đ và bà Nguyễn Thị C*) là người đã bán cho Nông Văn K một phần diện tích rừng thuộc thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02 theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn được bố mẹ chia cho quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra xác định anh B không biết việc K phát phá diện tích rừng trên và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét, xử lý.

Đối với ông Ma Văn Đ (*Là Chồng của bà Nguyễn Thị C và bố đẻ của Ma Văn B*) là người được giao quản lý, sử dụng diện tích rừng tại thửa đất số 239, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B theo giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số A0 427052 do UBND huyện Chợ Đồn cấp ngày 06/01/2009. Sau đó ngày 14/10/2016, ông đã bán cho Nông Văn K một phần diện tích rừng (06ha) tại thửa đất số 239 tờ bản đồ số 02 theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Đối với bà Trần Thị L vợ bị cáo Nông Văn K. Quá trình điều tra xác định bà L không biết việc K phát phá diện tích rừng trên và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Đồn không xem xét, xử lý

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự UBND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đã cử ông Lục Văn C – Phó trưởng Phòng NN và PTNT huyện đại diện tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo Nông Văn K phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Nhà nước số tiền 5.774.400đ (*Năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*) theo kết luận định giá tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Hội đồng xét xử xét yêu cầu này là đúng pháp luật nên chấp nhận.

[4]. Xét về vật chứng:

Đối với số lâm sản (*Các cây tự nhiên*) và 2721 cây vầu bị chặt phá trên diện tích rừng mà Nông Văn K phát phá trái phép do đã bị K đốt dọn, mục nát nên quá trình điều tra không tiến hành thu hồi được - Hội đồng xét xử không giải quyết.

Đối với 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu nâu đen, dài 47cm, chỗ rộng nhất 5,2cm, cán dao gỗ dài 17,2cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn K - xác định là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Xét về án phí: Bị cáo K là người dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí - nên miễn toàn bộ án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, mức hình phạt chính, xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được chấp nhận. Xét bản luận cứ của người bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy nội dung của bản luận cứ của người bào chữa phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nông Văn K phạm tội "Hủy hoại rừng"

[1]. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn K 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn K cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Hình phạt bổ sung (phạt tiền): Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

**[2].** Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nông Văn K phải bồi thường thiệt hại số tiền 5.774.400đ (*Năm triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm đồng*) cho UBND huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Tạm giữ số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001274 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn để thi hành án cho bị cáo.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

**[3].** Về vật chứng: Áp dụng Điều 46 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) con dao bằng kim loại, màu nâu đen, dài 47cm, chỗ rộng nhất 5,2cm, cán dao gỗ dài 17,2cm, dao đã qua sử dụng tạm giữ của Nông Văn K.

*(Số lượng, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Chợ Đồn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn).*

**[4].** Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136/BLTTHS; Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Khánh được miễn nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Đồn
- VKSND tỉnh Bắc Kạn
- CA huyện Chợ Đồn
- THADS huyện Chợ Đồn
- TA Tỉnh Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn
- Nguyên đơn dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án ; THAHS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Đình Hưng**







